

PHỤ LỤC 2

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện quý I/2023 | Năm 2024 | | Ước thực hiện năm 2024 so với | |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------|--------------------------|-------------------------------|----------------------|
| | | | | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện quý I/2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện quý I/2023 |
| A | NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN | | | | | | |
| 1 | Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn | | | | | | |
| a) | Lúa cả năm: | | | | | | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 64,77 | 59,60 | 65,15 | 109,3 | 100,6 |
| | - Sản lượng | Triệu tấn | 0,026 | 0,27 | 0,02 | 7,5 | 77,9 |
| b) | Ngô: | | | | | | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 24,18 | 22,20 | 24,51 | 110,4 | 101,3 |
| | - Sản lượng | Triệu tấn | 0,00051 | 0,01200 | 0,00052 | 4,4 | 102,8 |
| c) | Mía | | | | | | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 525,87 | 537,00 | 544,96 | 101,5 | 103,6 |
| | - Sản lượng | Triệu tấn | 0,22 | 0,47 | 0,25 | 54,5 | 116,2 |
| 2 | Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu | | | | | | |
| | - Lợn | Nghìn con | 284,89 | 330,00 | 290,23 | 87,9 | 101,9 |
| | - Trâu, bò | Nghìn con | 75,85 | 77,74 | 74,12 | 95,3 | 97,7 |
| | - Gia cầm | Triệu con | 3,02 | 3,50 | 3,07 | 87,8 | 101,5 |
| 3 | Lâm nghiệp | | | | | | |
| | - Diện tích rừng trồng mới tập trung | Nghìn ha | | | 16,92 | | |
| | - Tỷ lệ che phủ rừng | % | | 45,49 | | | |
| 4 | Thủy sản | | | | | | |
| | - Sản lượng khai thác | Nghìn tấn | 30,33 | 119,50 | 31,17 | 26,1 | 102,8 |
| | - Sản lượng nuôi trồng | Nghìn tấn | 27,36 | 101,00 | 28,16 | 27,9 | 102,9 |
| | | Nghìn tấn | 2,97 | 18,50 | 3,01 | 16,3 | 101,6 |
| B | CÔNG NGHIỆP | | | | | | |
| 1 | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm 2022 | % | 104,56 | 107,00 | 136,97 | | |
| | - Công nghiệp khai khoáng | % | 76,46 | | 86,22 | | |
| | - Công nghiệp chế biến, chế tạo | % | 104,45 | | 94,32 | | |
| | - Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước | % | 107,96 | | 576,54 | | |
| | - Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải | % | 103,63 | | 110,22 | | |
| 2 | Một số sản phẩm chủ yếu: | | | | | | |
| | - Điện sản xuất | Tr.kwh | 193,7 | 4.800,0 | 2.136,3 | 44,5 | 1.103,0 |
| | - Bia các loại | Nghìn lít | 12.738,8 | 60.000,0 | 13.935,2 | 23,2 | 109,4 |
| | - Đường các loại | Nghìn tấn | 70,4 | 141,0 | 83,8 | 59,4 | 119,0 |
| | - Nước yến | Nghìn lít | 20.110,0 | 78.000,0 | 13.322,3 | 17,1 | 66,2 |
| | - Thuốc lá điếu | Triệu bao | 257,4 | 970,0 | 246,7 | 25,4 | 95,8 |
| | - Thủy sản đông lạnh | Nghìn tấn | 14,9 | 87,1 | 15,9 | 18,2 | 106,6 |
| C | DỊCH VỤ | | | | | | |
| | - Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành) | Tỷ đồng | 25.820,5 | 126.896,0 | 30.203,6 | 23,8 | 117,0 |
| | - Doanh thu du lịch | Tỷ đồng | 4.479,1 | 36.500,0 | 11.608,8 | 31,8 | 259,2 |
| | - Khách lưu trú | Nghìn lượt | 800,1 | 8.000,0 | 2.198,7 | 27,5 | 274,8 |
| | <i>Trong đó: Khách quốc tế</i> | <i>Nghìn lượt</i> | <i>241,0</i> | <i>3.000,0</i> | <i>1.256,3</i> | <i>41,9</i> | <i>521,2</i> |
| | - Ngày khách lưu trú | Nghìn ngày | 2.263,2 | 20.500,0 | 6.061,2 | 29,6 | 267,8 |
| | <i>Trong đó: Ngày khách quốc tế</i> | <i>Nghìn ngày</i> | <i>1.087,4</i> | <i>10.500,0</i> | <i>4.194,4</i> | <i>39,9</i> | <i>385,7</i> |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện quý I/2023 | Năm 2024 | | Ước thực hiện năm 2024 so với | |
|----------|--------------------------------------------------|------------------|-------------------------|------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | | | | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện quý I/2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện quý I/2023 |
| D | XUẤT NHẬP KHẨU | | | | | | |
| 1 | Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn | Triệu USD | 430,2 | 1.870,0 | 505,2 | 27,0 | 117,4 |
| | - Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: | | | | | | |
| | + Thủy sản | Triệu USD | 149,8 | | 176,0 | | 117,5 |
| | + Cà phê | Triệu USD | 32,3 | | 44,5 | | 137,6 |
| | + Đóng tàu | Triệu USD | 136,4 | | 210,2 | | 154,1 |
| 2 | Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn | Triệu USD | 240,8 | 1.400,0 | 255,2 | 18,2 | 106,0 |
| | - Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: | | | | | | |
| | + Nguyên liệu thủy sản | Triệu USD | 79,1 | | 70,5 | | 89,1 |
| | + Máy móc thiết bị, phụ tùng | Triệu USD | 38,0 | | 44,2 | | 116,2 |
| | + Sắt thép các loại | Triệu USD | 38,6 | | 26,5 | | 68,6 |

PHỤ LỤC 3
CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện quý I/2023 | Năm 2024 | | Ước thực hiện năm 2024 so với | |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|---------------|--------------------------|-------------------------------|----------------------|
| | | | | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện quý I/2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện quý I/2023 |
| I | DÂN SỐ | | | | | | |
| 1 | - Dân số trung bình | Triệu người | 1,256 | 1,266 | 1,260 | 99,5 | 100,3 |
| 2 | - Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai so với 100 bé gái) | % | 109,2 | 108,8 | 109,0 | | |
| 3 | - Tỷ lệ dân số đô thị (tỷ lệ đô thị hóa) | % | | 64,0 | | | |
| II | LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM | | | | | | |
| 1 | Tổng số lao động đang làm việc | Ngh. người | | 630,0 | | | |
| 2 | Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm | Người | | 11.500,0 | | | |
| 3 | Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Người | 51,0 | 100,0 | 54,0 | 54,0 | 105,9 |
| 4 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 81,9 | 84,0 | 83,5 | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | - Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ | % | 27,56 | 30 | 29,8 | | |
| 5 | Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc và tự nguyện) | % | 27,40 | 38,05 | 35,08 | | |
| 6 | Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp | % | 23,27 | 32,13 | 31,02 | | |
| III | GIẢM NGHÈO (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) | | | | | | |
| 1 | - Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố | Nghìn hộ | | 345,783 | | | |
| 2 | - Số hộ nghèo | Nghìn hộ | | 5,795 | | | |
| 3 | - Tỷ lệ hộ nghèo | % | | 1,68 | | | |
| 4 | - Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | | 0,48 | | | |
| IV | NÔNG THÔN MỚI | | | | | | |
| 1 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | xã | | 68,0 | | | |
| 2 | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | | 73,9 | | | |
| 3 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao | xã | | 29,0 | | | |
| 4 | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao | % | | 31,5 | | | |
| 5 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu | xã | | 1,0 | | | |
| 6 | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu | % | | 1,1 | | | |
| 7 | Số xã đạt dưới 15 tiêu chí | xã | | 35,0 | | | |
| V | Y TẾ - XÃ HỘI | | | | | | |
| 1 | - Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 93,75 | 94,50 | 95,26 | | |
| 2 | - Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) | Giường | 36,0 | 36,8 | 36,0 | | |
| 3 | - Số bác sỹ/1 vạn dân | Bác sỹ | 11,0 | 12,0 | 11,5 | | |

| TT | Chi tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện quý I/2023 | Năm 2024 | | Ước thực hiện năm 2024 so với | |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|---------------|--------------------------|-------------------------------|----------------------|
| | | | | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện quý I/2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện quý I/2023 |
| 4 | - Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc | % | 100,0 | 100,0 | 100,0 | | |
| 5 | - Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | % | 100,0 | 100,0 | 100,0 | | |
| 6 | - Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi | ‰ | 2,5 | <4,0 | 2 | | |
| 7 | - Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi | ‰ | 2,9 | <4,5 | 2,7 | | |
| 8 | - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) | % | 7,0 | <7,0 | 6,9 | | |
| 9 | - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | % | 8,1 | <8,0 | 8,0 | | |
| 10 | - Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em | xã, phường | | 90,0 | | | |
| 11 | - Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em | % | | 66 | | | |
| VI | GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | | | | | |
| 1 | Tổng số học sinh đầu năm học | Học sinh | 284.647,0 | 299.435,0 | 286.389,0 | 95,6 | 100,6 |
| | + Nhà trẻ, mẫu giáo | Học sinh | 61.270,0 | 68.658,0 | 60.675,0 | 88,4 | 99,0 |
| | + Tiểu học | Học sinh | 111.878,0 | 110.317,0 | 109.548,0 | 99,3 | 97,9 |
| | + Trung học cơ sở | Học sinh | 74.137,0 | 81.178,0 | 78.366,0 | 96,5 | 105,7 |
| | + Trung học phổ thông | Học sinh | 37.362,0 | 39.282,0 | 37.800,0 | 96,2 | 101,2 |
| 2 | Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi | | | | | | |
| | + Tiểu học | % | 98,5 | 98,7 | 98,7 | | |
| | + Trung học cơ sở | % | 96,3 | 98,2 | 98,2 | | |
| 3 | Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia | % | 59,63 | 63,19 | 58,21 | | |
| VII | MÔI TRƯỜNG | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | % | | 90,0 | | | |
| 2 | Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị | % | | 95,0 | | | |
| 3 | Tỷ lệ xử lý chất thải y tế (nước thải, chất thải rắn) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | % | | 90,0 | | | |
| 4 | Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | % | | 99,7 | | | |

PHỤ LỤC 4
NĂNG LỰC MỚI TĂNG THÊM CỦA CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH/DỰ KIẾN
HOÀN THÀNH TRONG QUÝ I/2024 VÀ CÁC QUÝ CÒN LẠI TRONG NĂM 2024

| STT | Tên dự án/công trình | Tên chủ đầu tư | Thời gian khởi công | | Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành | | Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng) | Năng lực mới tăng | |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|------|-----------------------------------------|------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| | | | Tháng | Năm | Tháng | Năm | | Năng lực/công suất thiết kế | Đơn vị tính |
| I | QUÝ I/2024 | | | | | | | | |
| 1 | Các dự án trong KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |
| - | Nhà máy chế biến Thủy sản Tâm Như | Công ty TNHH Thủy sản Tâm Như | 4 | 2023 | 1 | 2024 | 32 | 5.000 tấn thành phẩm/năm | tấn/năm |
| - | Nhà máy chế biến thủy sản | Công ty TNHH Thủy sản Australis Việt Nam | | 2023 | 1 | 2024 | 156 | 12.000 tấn thành phẩm/năm | tấn/năm |
| - | Nhà máy bê tông IBS Văn Phong | Công ty CP Bê tông IBS Văn Phong | | 2020 | 1 | 2024 | 200 | 150.000 m3/năm | m3/năm |
| - | Nhà máy sản xuất phụ kiện bao bì | Công ty TNHH NHT | 2 | 2023 | 3 | 2024 | 80 | 150.000.000 sản phẩm/năm | cái/năm |
| - | Khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí và chăm sóc sức khỏe | Công ty TNHH NITC Khánh Hòa | | 2023 | 1 | 2024 | 10 | Xây dựng khách sạn 2*, khu vui chơi, giải trí, khu nhà hàng ăn uống | |
| 2 | Các dự án ngoài KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |
| - | Bến xe liên tỉnh phía Nam | Công ty CP Khai thác bến xe và dịch vụ vận tải Khánh Hòa | 7 | 2023 | 3 | 2024 | 108,94 | Đầu tư xây dựng bến xe khách liên tỉnh phía nam (2,12 ha) | ha |
| II | QUÝ II/2024 | | | | | | | | |
| 1 | Các dự án trong KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |
| - | Dự án Nhà máy sản xuất nội thất và nhà kho V-Star | Công ty TNHH Thương Mại V-Star | 9 | 2023 | 5 | 2024 | 81,783 | Nhà máy sản xuất nội thất (giường, tủ, bàn ghế) và nhà kho chứa các thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi, viễn thông với diện tích 21.324m2 | m2 |
| - | Dự án sản xuất quần áo | Công ty TNHH Desiper Việt Nam | 12 | 2023 | 5 | 2024 | 25,178 | Sản xuất quần áo lót các loại công suất 1.000.000 đơn vị sản phẩm/năm | sản phẩm/năm |
| - | Dự án Nhà máy cơ khí Năng Ban Mai | Công ty CP Đầu tư Năng Ban Mai | | | 4 | 2024 | 79,768 | Nhà máy gia công thép hình các loại, cầu kiện thép, nhôm công suất 3.774 tấn/năm | tấn thép hình các loại/năm |
| - | Dự án Kho hàng Monis | Công ty TNHH Monis | | | 6 | 2024 | 14,5 | Xây dựng kho hàng với diện tích 3.550,5 m2 | m2 |
| 2 | Các dự án ngoài KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |
| - | Đầu tư Xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ | Công ty cổ phần đầu tư thương mại Kim Lan | 1 | 2023 | 6 | 2024 | 2.062,5 | Hoàn thiện phần thô Chung cư (19.562m2) | m2 |
| III | QUÝ IV/2024 | | | | | | | | |
| 1 | Các dự án trong KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |
| - | Nhà máy sản xuất Fucoidan theo chuẩn GMT | Công ty CP Fucoidan Việt Nam | 11 | 2022 | 10 | 2024 | 14 | 3.000kg/năm | kg/năm |
| - | Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ granit tầng lần làm ốp lát tại khu vực Tân Dân 2 | Công ty CP Thuận Đức | | 2023 | 12 | 2024 | 24,7 | 15.750 m2 nguyên khối/năm | m2 nguyên khối/năm |
| - | Nhà máy chế biến lâm sản Ninh Thủy | Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Văn Phong | 1 | 2020 | 12 | 2024 | 50 | 400.000BDMT/năm | BDMT/năm |
| - | Nhà máy chế biến thực phẩm Sơn Thủy | Công ty TNHH Thực phẩm Sơn Thủy | | 2019 | 12 | 2024 | 36 | 4.800 tấn/năm | tấn/năm |
| 2 | Các dự án ngoài KKT, KCN, CCN | | | | | | | | |

| STT | Tên dự án/công trình | Tên chủ đầu tư | Thời gian khởi công | | Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành | | Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng) | Năng lực mới tăng | |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------|-----------------------------------------|------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| | | | Tháng | Năm | Tháng | Năm | | Năng lực/công suất thiết kế | Đơn vị tính |
| - | Khu phức hợp và nghỉ dưỡng giải trí KN PARADISE | Công ty TNHH KN Cam Ranh | 12 | 2023 | 12 | 2024 | 8,869 | Hệ tầng kỹ thuật, biệt thự nghỉ dưỡng, căn hộ condotel, mansion, nhà phố thương mại, khu phố đi bộ kết hợp với mua sắm và ẩm thực, tiện ích công cộng giai đoạn 2. | |
| - | Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Khuyến | Công ty TNHH Ngọc Tú | 9 | 2024 | 11 | 2024 | 3 | Xây dựng cửa hàng xăng dầu (554 m2) | m2 |

PHỤ LỤC 5

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THEO KẾ HOẠCH ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|-----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XD/CB tập trung | Vốn thu tiền SDB trong cân đối | Vốn XS/KT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| (1) | Trường Đại học Khánh Hòa | | 55.821 | 18.371 | 37.450 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa | Trường Đại học Khánh Hòa | 55.821 | 18.371 | 37.450 | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (2) | Sở Xây dựng | | 1.000 | 1.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội đặc thù của tỉnh | Sở Xây dựng | 1.000 | 1.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Vốn CBĐT |
| (3) | Sở TTTT | | 55.000 | 55.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1) | Sở TTTT | 55.000 | 55.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (4) | BQL KKT Vân phong | | 329.077 | 98.791 | 120.000 | 0 | 110.286 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 5.700 | 1,7 | |
| 1 | Đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong | BQL KKT Vân phong | 110.286 | | | | 110.286 | | | 0 | 0,0 | 2.000 | 1,8 | |
| 2 | Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B) | BQL KKT Vân phong | 87.556 | 87.556 | | | | | | 0 | 0,0 | 700 | 0,8 | |
| 3 | Nâng cấp mở rộng Cải thiện Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1) | BQL KKT Vân Phong | 121.823 | 1.823 | 120.000 | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Trong đó: Vốn CBĐT 1.823 trđ |
| 4 | Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa | BQL KKT Vân Phong | 374 | 374 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Vốn CBĐT |
| 5 | Nâng cấp hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (50,28ha) và mở rộng thêm 15ha Khu tái định cư Xóm Quán | BQL KKT Vân Phong | 38 | 38 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Vốn CBĐT |
| 6 | Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa | BQL KKT Vân Phong | 9.000 | 9.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 3.000 | 33,3 | Vốn CBĐT |
| (5) | Sở VH/TT | | 3.600 | 3.600 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Tôn tạo cảnh quan di tích địa điểm lưu niệm Tàu C235 | Sở VH/TT | 300 | 300 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Tu bổ di tích Đình Mỹ Thanh | Sở VH/TT | 400 | 400 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 3 | Tu bổ di tích Đình Thanh Châu | Sở VH/TT | 2.900 | 2.900 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCB tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| (6) | Đài PTTH Khánh Hòa | | 51.100 | 51.100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 7.000 | 13,7 | |
| 1 | Đầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa | Đài PTTH Khánh Hòa | 51.100 | 51.100 | | | | | | 0 | 0,0 | 7.000 | 13,7 | |
| (7) | BCHQS tỉnh | | 48.210 | 41.220 | 0 | 0 | 6.990 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Nhà ở dân quân Ban Chỉ huy quân sự huyện Khánh Vĩnh | BCHQS tỉnh | 5.200 | 5.200 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân | BCHQS tỉnh | 36.020 | 36.020 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 3 | Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021-2025 | BCHQS tỉnh | 6.990 | | | | 6.990 | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (8) | BCH BDBP tỉnh | | 6.158 | 6.158 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Xây dựng mới Nhà kho vũ khí, đạn tỉnh và nâng cấp cải tạo doanh trại Đại đội huấn luyện C19 | BCH BDBP tỉnh | 4.800 | 4.800 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Sửa chữa, cải tạo Trạm kiểm soát biên phòng Vạn Giã | BCH BDBP tỉnh | 1.358 | 1.358 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (9) | UBND huyện Trường Sa | | 2.179 | 2.179 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Nhà tập luyện thể thao đa năng huyện Trường Sa | UBND huyện Trường Sa | 2.179 | 2.179 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (10) | TT Nước sạch và VSMT Nông thôn | | 5.000 | 5.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Nâng cấp Hệ thống cấp nước Diên Sơn- Diên Điền | TT Nước sạch và VSMT Nông thôn | 5.000 | 5.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (11) | Sở Du lịch | | 4.700 | 4.700 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 147 | 3,1 | |
| 1 | Trung tâm điều hành thông tin, hỗ trợ khách du lịch | Sở Du lịch | 4.700 | 4.700 | | | | | | 0 | 0,0 | 147 | 3,1 | |
| (12) | Thanh tra tỉnh | | 1.190 | 1.190 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cơ quan Thanh tra tỉnh | Thanh tra tỉnh | 1.190 | 1.190 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (13) | Sở GD&ĐT | | 30.453 | 26.253 | 0 | 0 | 4.200 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 8.153 | 26,8 | |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Hoàng Hoa Thám | Sở GD&ĐT | 11.578 | 11.578 | | | | | | 0 | 0,0 | 3.078 | 26,6 | Chương trình NTM |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Thái Học | Sở GD&ĐT | 14.675 | 14.675 | | | | | | 0 | 0,0 | 3.675 | 25,0 | Chương trình NTM |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|-----------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCB tập trung | Vốn thu tiền SDB trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| 3 | Bổ sung, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường phổ thông DTNT tỉnh Khánh Hòa | Sở GD&ĐT | 4.200 | | | | | 4.200 | | 0 | 0,0 | 1.400 | 33,3 | Chương trình MN |
| (14) | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | | 2.000 | 2.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Xây dựng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | 2.000 | 2.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (15) | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương | | 1.173 | 1.173 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 780 | 66,5 | |
| 1 | Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025 | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương | 1.173 | 1.173 | | | | | | 0 | 0,0 | 780 | 66,5 | |
| (16) | BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa | | 1.880 | 1.880 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 900 | 47,9 | |
| 1 | Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 | BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa | 1.880 | 1.880 | | | | | | 0 | 0,0 | 900 | 47,9 | |
| (17) | Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa | | 140 | 140 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025 | Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa | 140 | 140 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (18) | BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà | | 460 | 460 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 1 | Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025 | BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà | 460 | 460 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| (19) | BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa | | 2.099 | 2.099 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,0 | 307 | 14,6 | |
| 1 | Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025 | BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa | 2.099 | 2.099 | | | | | | 0 | 0,0 | 307 | 14,6 | |
| (20) | Ban QLDA Phát triển tỉnh | | 962.390 | 727.057 | 119.200 | 36.133 | 0 | 40.000 | 40.000 | 3.767 | 0,4 | 44.505 | 4,6 | |
| 1 | Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (giai đoạn 2) | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 33.900 | 33.900 | | | | | | 0 | 0,0 | 64 | 0,2 | |
| 2 | Xây dựng Nhà đa năng kết hợp phòng bộ môn, kho thiết bị trường THPT Nguyễn Văn Trỗi | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 8.420 | 8.420 | | | | | | 245 | 2,9 | 2.000 | 23,8 | |
| 3 | Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới ký túc xá Trường trung cấp nghề Cam Ranh | BQLDA Phát triển tỉnh | 9.606 | | | | 9.606 | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Ninh Hòa | BQLDA Phát triển tỉnh | 2.500 | | | | 2.500 | | | 19 | 0,8 | 942 | 37,7 | |
| 5 | BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 21.487 | | | | 21.487 | | | 21 | 0,1 | 21 | 0,1 | |
| 6 | Xây dựng Nhà xưởng thực hành tại cơ sở mới của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 2.540 | | | | 2.540 | | | 4 | 0,2 | 971 | 38,2 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|-----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|----------------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XD/CB tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XS/KT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lợi Chính phủ | | | | | |
| 7 | Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa | BQLDA Phát triển tỉnh | 248.000 | 188.883 | 59.117 | | | | | 0 | 0,0 | 14.880 | 6,0 | |
| 8 | Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang | BQLDA Phát triển tỉnh | 152.913 | 152.913 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 9 | Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang | BQLDA Phát triển tỉnh | 162.507 | 82.507 | | | | 40.000 | 40.000 | 3.189 | 2,0 | 15.627 | 9,6 | |
| 10 | Cầu qua sông Kim Bồng | BQLDA Phát triển tỉnh | 60.083 | | 60.083 | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 11 | Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh | BQLDA Phát triển tỉnh | 200.000 | 200.000 | | | | | | 289 | 0,1 | 10.000 | 5,0 | |
| 12 | Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 20.000 | 20.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 13 | Tu bổ, tôn tạo di tích Thành cổ Diên Khánh | BQLDA Phát triển tỉnh | 14.120 | 14.120 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 14 | Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Bảo trợ xã hội Khánh Hòa | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 11.000 | 11.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 15 | Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc tạm các cơ quan tỉnh Tại số 178 Trần Quý Cáp, số 135 Thống Nhất, số 05 đường 02 tháng 4 thành phố Nha Trang | Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh | 5.000 | 5.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Trong đó: Vốn CBĐT 358trđ |
| 16 | Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc tạm tại số 05 Pasteur, thành phố Nha Trang | Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh | 10.000 | 10.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Trong đó: Vốn CBĐT 541 trđ |
| 17 | Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học Khánh Hòa | Ban QLDA Phát triển tỉnh | 314 | 314 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Vốn CBĐT |
| (21) | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | | 119.545 | 90.545 | 29.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 544 | 0,5 | 10.437 | 8,7 | |
| 1 | Hệ thống kênh đập dâng Chi Trừ (Kênh Văn Định đoạn thượng lưu) | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | 22.961 | 22.961 | | | | | | 544 | 2,4 | 5.000 | 21,8 | |
| 2 | Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | 38.215 | 38.215 | | | | | | 0 | 0,0 | 1.000 | 2,6 | |
| 3 | Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | 937 | 937 | | | | | | 0 | 0,0 | 937 | 100,0 | |
| 4 | Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | 28.432 | 28.432 | | | | | | 0 | 0,0 | 1.500 | 5,3 | |
| 5 | Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang | BQL DABT XD các CT NN&PTNT | 29.000 | | 29.000 | | | | | 0 | 0,0 | 2.000 | 6,9 | |
| (22) | BQL DABT XD các CT GT | | 1.506.885 | 0 | 0 | 6.885 | 1.500.000 | 0 | 0 | 21.140 | 1,4 | 21.239 | 1,4 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|-----------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCB tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| 1 | CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông | BQL DADT XD các CT GT | 6.885 | | | 6.885 | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận | BQL DADT XD các CT GT | 500.000 | | | | 500.000 | | | 0 | 0,0 | 99 | 0,0 | |
| 3 | Dự án thành phần I thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I | BQL DADT XD các CT GT | 1.000.000 | | | | 1.000.000 | | | 21.140 | 2,1 | 21.140 | 2,1 | |
| (23) | Sơ Y tế | | 235.530 | 44.212 | 0 | 187.729 | 3.589 | 0 | 0 | 3.800 | 1,6 | 106.954 | 45,4 | |
| 1 | Bệnh viện Ung bướu | Sơ Y tế | 40.000 | | | 40.000 | | | | 282 | 0,7 | 30.000 | 75,0 | |
| 2 | Bệnh viện đa khoa Nha Trang | Sơ Y tế | 18.000 | | | 18.000 | | | | 710 | 3,9 | 18.000 | 100,0 | |
| 3 | Trung tâm Y tế Cam Ranh | Sơ Y tế | 33.000 | | | 33.000 | | | | 0 | 0,0 | 2.500 | 7,6 | |
| 4 | Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường) | Sơ Y tế | 10.274 | | | 10.274 | | | | 671 | 6,5 | 1.119 | 10,9 | |
| 5 | Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025 | Sơ Y tế | 130.000 | 43.545 | | 86.455 | | | | 2.137 | 1,6 | 52.000 | 40,0 | |
| 6 | Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã | Sơ Y tế | 3.990 | 401 | | | 3.589 | | | 0 | 0,0 | 3.144 | 78,8 | Chương trình MN |
| 7 | Sửa chữa, cải tạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa | Sơ Y tế | 266 | 266 | | | | | | 0 | 0,0 | 191 | 71,8 | Vốn CBĐT |
| (24) | CA tỉnh | | 74.718 | 74.718 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.595 | 2,1 | 1.595 | 2,1 | |
| 1 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh | CA tỉnh | 4.200 | 4.200 | | | | | | 110 | 2,6 | 110 | 2,6 | |
| 2 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh | CA tỉnh | 4.400 | 4.400 | | | | | | 203 | 4,6 | 203 | 4,6 | |
| 3 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh | CA tỉnh | 4.100 | 4.100 | | | | | | 64 | 1,6 | 64 | 1,6 | |
| 4 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa | CA tỉnh | 3.800 | 3.800 | | | | | | 19 | 0,5 | 19 | 0,5 | |
| 5 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa | CA tỉnh | 3.700 | 3.700 | | | | | | 54 | 1,5 | 54 | 1,5 | |
| 6 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa | CA tỉnh | 4.300 | 4.300 | | | | | | 181 | 4,2 | 181 | 4,2 | |
| 7 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa | CA tỉnh | 4.300 | 4.300 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Dự án tạm dừng |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|----------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCB tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| 8 | Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa | CA tỉnh | 14.618 | 14.618 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 9 | Cải tạo, sửa chữa khu nhà tầng thư Công an tỉnh Khánh Hòa | CA tỉnh | 5.000 | 5.000 | | | | | | 470 | 9,4 | 470 | 9,4 | |
| 10 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa | CA tỉnh | 3.400 | 3.400 | | | | | | 28 | 0,8 | 28 | 0,8 | |
| 11 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên An, huyện Diên Khánh | CA tỉnh | 3.400 | 3.400 | | | | | | 49 | 1,4 | 49 | 1,4 | |
| 12 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Phú, huyện Diên Khánh | CA tỉnh | 3.500 | 3.500 | | | | | | 42 | 1,2 | 42 | 1,2 | |
| 13 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Tân, huyện Diên Khánh | CA tỉnh | 3.700 | 3.700 | | | | | | 49 | 1,3 | 49 | 1,3 | |
| 14 | Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh | CA tỉnh | 4.000 | 4.000 | | | | | | 149 | 3,7 | 149 | 3,7 | |
| 15 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh | CA tỉnh | 3.900 | 3.900 | | | | | | 18 | 0,5 | 18 | 0,5 | |
| 16 | Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thành, huyện Khánh Vĩnh | CA tỉnh | 4.400 | 4.400 | | | | | | 159 | 3,6 | 159 | 3,6 | |
| (25) | Sở KH&CN | | 134.500 | 134.500 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7.170 | 5,3 | 13.300 | 9,9 | |
| 1 | Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Khánh Hòa | Sở KH&CN | 84.500 | 84.500 | | | | | | 4.654 | 5,5 | 8.000 | 9,5 | |
| 2 | Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Sở KH&CN | 50.000 | 50.000 | | | | | | 2.516 | 5,0 | 5.300 | 10,6 | |
| (26) | Sở GTVT | | 41.550 | 41.550 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.343 | 5,6 | 2.343 | 5,6 | |
| 1 | Cầu huyện từ Vạn Giã đi Vạn Thắng (trên trục đường Nguyễn Huệ) | Sở GTVT | 19.700 | 19.700 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Mở rộng, cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn | Sở GTVT | 19.706 | 19.706 | | | | | | 214 | 1,1 | 214 | 1,1 | |
| 3 | Sửa chữa đường ĐT.651E (Xuân Sơn) | Sở GTVT | 352 | 352 | | | | | | 352 | 100,0 | 352 | 100,0 | Vốn CBĐT |
| 4 | Sửa chữa đường ĐT.652D (Tỉnh lộ 1B) | Sở GTVT | 202 | 202 | | | | | | 202 | 100,0 | 202 | 100,0 | Vốn CBĐT |
| 5 | Sửa chữa đường ĐT.657I (Nguyễn Tất Thành) | Sở GTVT | 257 | 257 | | | | | | 246 | 95,7 | 246 | 95,7 | Vốn CBĐT |
| 6 | Sửa chữa đường ĐT.657K (Đường lên Khu du lịch Yersin) | Sở GTVT | 354 | 354 | | | | | | 350 | 98,9 | 350 | 98,9 | Vốn CBĐT |
| 7 | Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7) | Sở GTVT | 247 | 247 | | | | | | 247 | 100,0 | 247 | 100,0 | Vốn CBĐT |
| 8 | Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9) | Sở GTVT | 278 | 278 | | | | | | 278 | 100,0 | 278 | 100,0 | Vốn CBĐT |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCE tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lợi Chính phủ | | | | | |
| 9 | Sửa chữa đường ĐT 653 (Tỉnh lộ 2) | Sở GTVT | 454 | 454 | | | | | | 454 | 100,0 | 454 | 100,0 | Vốn CBĐT |
| (27) | Sở NN&PTNT | | 54.420 | 9.320 | 38.100 | 0 | 0 | 7.000 | 0 | 3.429 | 6,3 | 8.446 | 15,5 | |
| 1 | Lắp đặt hệ thống camera giám sát vận hành tại các hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý | Sở NN&PTNT | 1.900 | 1.900 | | | | | | 0 | 0,0 | 1.850 | 97,4 | |
| 2 | Hồ chứa nước Sơn Trung | Sở NN&PTNT | 38.100 | | 38.100 | | | | | 1.563 | 4,1 | 3.980 | 10,4 | |
| 3 | Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa | Sở NN&PTNT | 8.500 | 1.500 | | | | 7.000 | | 0 | 0,0 | 750 | 8,8 | |
| 4 | Sửa chữa, nâng cấp hồ Đá Bàn - Thị xã Ninh Hoà - Tỉnh Khánh Hoà | Sở NN&PTNT | 2.178 | 2.178 | | | | | | 1.052 | 48,3 | 1.052 | 48,3 | Vốn CBĐT |
| 5 | Hồ chứa nước Sông Bung, thị xã Ninh Hòa | Sở NN&PTNT | 2.928 | 2.928 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Vốn CBĐT |
| 6 | Chính trị lưu Sông Tác (giai đoạn II), thành phố Nha Trang | Sở NN&PTNT | 814 | 814 | | | | | | 814 | 100,0 | 814 | 100,0 | Vốn CBĐT |
| (28) | Huyện Khánh Vĩnh | | 185.033 | 81.693 | 13.000 | 10.000 | 80.340 | 0 | 0 | 13.132 | 7,1 | 35.468 | 19,2 | |
| 1 | Trường Tiểu học Khánh Nam, Hạng mục: Xây dựng 6 phòng học, khối phòng học bộ môn, cổng, tường rào, sân, nhà để xe, nhà bảo vệ | Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh | 5.000 | | | | 5.000 | | | 1.075 | 21,5 | 4.000 | 80,0 | |
| 2 | Trường Tiểu học Khánh Thành, Hạng mục: Xây dựng 3 phòng học, khối phòng bộ môn, khối phòng hành chính, nhà để xe, nhà bảo vệ, tường rào, sân | Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh | 5.000 | | | | 5.000 | | | 992 | 19,8 | 4.000 | 80,0 | |
| 3 | Kè bờ tả sông Khế, thị trấn Khánh Vĩnh | Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh | 14.000 | 14.000 | | | | | | 787 | 5,6 | 802 | 5,7 | |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Vĩnh | BQL Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025 (Hạt Kiểm lâm Khánh Vĩnh) | 361 | 361 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 5 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (huyện Khánh Vĩnh) | | 9.551 | 9.551 | | | | | | 1.060 | 11,1 | 3.604 | 37,7 | Chương trình NTM |
| 6 | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (huyện Khánh Vĩnh) | | 21.119 | 2.185 | | | | 18.934 | | 1.242 | 5,9 | 2.212 | 10,5 | Chương trình MN |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | | |
| | | | | Vốn XDDB tập trung | Vốn thu tiền SĐĐ trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | | | | | Vốn vay lại Chính phủ | |
| 7 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (huyện Khánh Vĩnh) | | 61.406 | | | | 61.406 | | | 0 | 0,0 | 12.850 | 20,9 | |
| 8 | Vốn phân cấp Huyện Khánh Vĩnh | | 68.596 | 55.596 | 13.000 | | | | | 7.976 | 11,6 | 8.000 | 11,7 | |
| (29) | Huyện Khánh Sơn | | 269.539 | 162.404 | 3.500 | 0 | 103.635 | 0 | 0 | 21.163 | 7,9 | 40.386 | 15,0 | |
| 1 | Trường Mầm non Sao Mai | Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn | 12.000 | 12.000 | | | | | | 218 | 1,8 | 615 | 5,1 | |
| 2 | Trường mầm non Phong Lan | Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn | 24.000 | 24.000 | | | | | | 319 | 1,3 | 319 | 1,3 | |
| 3 | Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn | Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn | 8.754 | 8.754 | | | | | | 0 | 0,0 | 2.626 | 30,0 | |
| 4 | Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 (huyện Khánh Sơn) | BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn | 832 | 832 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 5 | Xây dựng cầu Sơn Trung huyện Khánh Sơn | Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn | 4.514 | 4.514 | | | | | | 4.239 | 93,9 | 4.514 | 100,0 | |
| 6 | Đập dâng Tô Hạp I | Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn | 39.873 | 39.873 | | | | | | 1.017 | 2,6 | 2.188 | 5,5 | |
| 7 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (huyện Khánh Sơn) | | 4.000 | 4.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 200 | 5,0 | Chương trình NTM |
| 8 | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (huyện Khánh Sơn) | | 37.070 | 234 | | | 36.836 | | | 2.012 | 5,4 | 3.612 | 9,7 | Chương trình MN |
| 9 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (huyện Khánh Sơn) | | 94.160 | 27.361 | | | 66.799 | | | 5.529 | 5,9 | 12.952 | 13,8 | Chương trình Giảm nghèo |
| 10 | Vốn phân cấp Huyện Khánh Sơn | | 44.336 | 40.836 | 3.500 | | | | | 7.829 | 17,7 | 13.360 | 30,1 | |
| (30) | Huyện Diên Khánh | | 179.609 | 134.609 | 45.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 14.468 | 8,1 | 33.500 | 18,7 | |
| 1 | Trường Tiểu học-THCS Suối Tiên | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 10.500 | 10.500 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Trường Tiểu học Diên Lạc | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 17.500 | 17.500 | | | | | | 0 | 0,0 | 500 | 2,9 | |
| 3 | Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2) | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 20.000 | 20.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 4 | Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025 | BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh | 150 | 150 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 5 | Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa) | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 5.000 | 5.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 5.000 | 100,0 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XD/CB tập trung | Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| 6 | Cầu Mương Quan, xã Diên Phú | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 15.000 | 15.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 7.500 | 50,0 | |
| 7 | Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C) | Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh | 20.000 | 20.000 | | | | | | 10.668 | 53,3 | 14.000 | 70,0 | |
| 8 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (huyện Diên Khánh) | | 2.007 | 2.007 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Chương trình NTM |
| 9 | Vốn phân cấp Huyện Diên Khánh | | 89.452 | 64.452 | 25.000 | | | | | 3.800 | 4,2 | 6.500 | 7,3 | |
| (31) | Thành phố Cam Ranh | | 313.430 | 71.480 | 179.470 | 4.800 | 57.680 | 0 | 0 | 28.734 | 9,2 | 33.734 | 10,8 | |
| 1 | Trường Mầm non Cam Nghĩa (điểm mới), hạng mục: Xây mới 8 phòng học, nhà hành chính, sân chơi, cổng trường rào, nhà trường trực | Ban QLDA các CTXD Cam Ranh | 4.800 | | | 4.800 | | | | 72 | 1,5 | 72 | 1,5 | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục | UBND TP Cam Ranh | 66.779 | 15.779 | | | 51.000 | | | 655 | 1,0 | 655 | 1,0 | |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh giai đoạn 2021-2025 | BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh | 257 | 257 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 4 | Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1)) | Ban QLDA các CTXD Cam Ranh | 64.470 | | 64.470 | | | | | 3.532 | 5,5 | 3.532 | 5,5 | |
| 5 | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thành phố Cam Ranh) | | 9.480 | 2.800 | | | 6.680 | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Chương trình MN |
| 6 | Vốn phân cấp Thành phố Cam Ranh | | 167.644 | 52.644 | 115.000 | | | | | 24.475 | 14,6 | 29.475 | 17,6 | |
| (32) | Sở LĐ-TB&XH | | 44.352 | 24.899 | 0 | 19.453 | 0 | 0 | 0 | 4.650 | 10,5 | 4.651 | 10,5 | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh | Sở LĐ | 15.329 | | | 15.329 | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Cam Lâm | Sở LĐ | 4.124 | | | 4.124 | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 3 | Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung | Sở LĐ | 1.400 | 1.400 | | | | | | 1.371 | 97,9 | 1.371 | 97,9 | |
| 4 | Cải tạo và sửa chữa Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc Người có công Khánh Hòa | Sở LĐ | 933 | 933 | | | | | | 932 | 99,9 | 933 | 100,0 | |
| 5 | Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa | Sở LĐ | 22.566 | 22.566 | | | | | | 2.347 | 10,4 | 2.347 | 10,4 | |
| (33) | Huyện Cam Lâm | | 72.202 | 58.262 | 10.000 | 0 | 3.940 | 0 | 0 | 7.787 | 10,8 | 18.539 | 25,7 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giải ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|------------------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XD/CB tập trung | Vốn thu tiền SDB trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| 1 | Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm | BQLDA huyện Cam Lâm | 2.481 | 2.481 | | | | | | 1.685 | 67,9 | 1.685 | 67,9 | |
| 2 | Trường mầm non Sóc Nâu, xã Cam An Nam | Phòng GD&ĐT Cam Lâm | 4.550 | 4.550 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư trồng cây pháp tán huyện Cam Lâm, giai đoạn 2021-2025 | BQLDA phát triển rừng sản xuất huyện Cam Lâm | 410 | 410 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 4 | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (huyện Cam Lâm) | | 5.561 | 1.621 | | | 3.940 | | | 421 | 7,6 | 2.104 | 37,8 | Chương trình MN |
| 5 | Vốn phân cấp Huyện Cam Lâm | | 59.200 | 49.200 | 10.000 | | | | | 5.681 | 9,6 | 14.750 | 24,9 | |
| (34) | Thị xã Ninh Hòa | | 325.633 | 235.869 | 50.000 | 0 | 39.764 | 0 | 0 | 36.672 | 11,3 | 58.447 | 17,9 | |
| 1 | Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2-6 | Phòng GD&ĐT Ninh Hòa | 12.500 | 12.500 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Kè đập ngăn mặn sông Đà Hân | UBND TX Ninh Hòa | 12.500 | 12.500 | | | | | | 0 | 0,0 | 5.000 | 40,0 | |
| 3 | Đê kè chống xói lở hai bờ sông, lạch Cầu Treo và khơi thông dòng chảy (đoạn từ cầu Bà Hà đến cầu Treo) | UBND TX Ninh Hòa | 63.844 | 25.000 | | | 38.844 | | | 17.769 | 27,8 | 17.900 | 28,0 | |
| 4 | Kè chắn bầu Thanh Mỹ, giai đoạn 2, đoạn từ cầu Nhà trẻ đến cụm chia nước cuối bầu | UBND xã Ninh Quang | 4.800 | 4.800 | | | | | | 1.773 | 36,9 | 1.773 | 36,9 | |
| 5 | Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa giai đoạn 2021-2025 | Ban QLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa | 203 | 203 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 6 | Dự án thành phần 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa phận tỉnh Khánh Hòa) | UBND thị xã Ninh Hòa | 1.100 | 1.100 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 7 | Tuyến đường gom đê Quốc lộ 26B; Lý trình: Km10+031 - Km11+744 | UBND TX Ninh Hòa | 21.500 | 21.500 | | | | | | 0 | 0,0 | 6.000 | 27,9 | |
| 8 | Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng | Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa | 42.000 | 42.000 | | | | | | 9.274 | 22,1 | 9.274 | 22,1 | |
| 9 | Đường Minh Mạng, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2) | Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa | 21.000 | 21.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 6.500 | 31,0 | |
| 10 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (thị xã Ninh Hòa) | | 23.052 | 23.052 | | | | | | 0 | 0,0 | 1.000 | 4,3 | Chương trình NTM |
| 11 | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thị xã Ninh Hòa) | | 1.302 | 382 | | | 920 | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | Chương trình MN |
| 12 | Vốn phân cấp Thị xã Ninh Hoà | | 121.832 | 71.832 | 50.000 | | | | | 7.856 | 6,4 | 11.000 | 9,0 | |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Chủ đầu tư | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 | | | | | | | Giai ngân đến 29/02/2024 | | Ước giải ngân 3 tháng 2024 | | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|---------|
| | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tỷ lệ giải ngân (%) | |
| | | | | Vốn XDCB tập trung | Vốn thu tiền SDD trong cân đối | Vốn XSKT | Vốn TW hỗ trợ | Vốn ODA cấp phát | Vốn vay lại Chính phủ | | | | | |
| (35) | Huyện Vạn Ninh | | 234.914 | 110.214 | 48.500 | 0 | 76.200 | 0 | 0 | 36.837 | 15,7 | 69.507 | 29,6 | |
| 1 | Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang, đoạn từ Quốc lộ 1A đến Đập Hải Triều xã Vạn Phước | Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh | 15.110 | 15.110 | | | | | | 4.207 | 27,8 | 4.207 | 27,8 | |
| 2 | Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2) | UBND huyện Vạn Ninh | 30.000 | 30.000 | | | | | | 11.179 | 37,3 | 20.700 | 69,0 | |
| 3 | Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn (1000m) | UBND huyện Vạn Ninh | 82.200 | 10.000 | | | 72.200 | | | 0 | 0,0 | 3.200 | 3,9 | |
| 4 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (huyện Vạn Ninh) | | 4.000 | | | | 4.000 | | | 0 | 0,0 | 1.400 | 35,0 | |
| 5 | Vốn phân cấp Huyện Vạn Ninh | | 103.604 | 55.104 | 48.500 | | | | | 21.451 | 20,7 | 40.000 | 38,6 | |
| (36) | Thành phố Nha Trang | | 451.559 | 191.559 | 260.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 85.261 | 18,9 | 124.943 | 27,7 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025 | BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang | 170 | 170 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang | UBND TP Nha Trang | 99.200 | 99.200 | | | | | | 1.433 | 1,4 | 14.880 | 15,0 | |
| 3 | Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu cho TP Nha Trang | | 14.000 | 14.000 | | | | | | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| 4 | Vốn phân cấp Thành phố Nha Trang | | 338.189 | 78.189 | 260.000 | | | | | 83.828 | 24,8 | 110.063 | 32,5 | |

PHỤ LỤC 6

NHÓM DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRỌNG ĐIỂM LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2023-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 35-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | Chủ đầu tư | Địa điểm XD | Dự kiến thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024 | Ghi chú | |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------|
| | | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NS tỉnh | | | Vốn NSTW, ODA |
| I | Các dự án đã khởi công thực hiện | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 | | BQL DAĐT XD các CT GT | Ninh Hòa | 2022-2026 | 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 | 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023, 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 | 5.333.307 | 303.350 | 5.029.957 | 1.899.350 | |
| 2 | Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với Lâm Đồng và Ninh Thuận | Sở GTVT | BQL DAĐT XD các CT GT | huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh | 2023-2027 | 92/2023/QH15 ngày 20/6/2023 | 446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 | 1.930.000 | 930.000 | 1.000.000 | 513.011 | |
| 3 | Nâng cấp mở rộng Cải tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1) | BQL KKT Văn phòng | BQL KKT Văn phòng | Xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa | 2023-2026 | 70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 | 47/QĐ-KKT ngày 26/01/2024 | 538.591 | 538.591 | | 123.612 | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 4 | Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa | Sở Xây dựng | BQLDA Phát triển tỉnh | Nha Trang | 2022-2025 | 123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 | 2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 | 544.577 | 544.577 | | 400.000 | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 5 | Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh | Sở Xây dựng | BQLDA Phát triển tỉnh | Nha Trang | 2023-2025 | 17/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 | 2995/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 | 544.662 | 543.110 | | 201.751 | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| II | Các dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, hiện nay đang lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư | | | | | | | | | | | |
| 1 | Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã | UBND huyện Vạn Ninh | UBND huyện Vạn Ninh | thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh | 2023-2025 | 111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 | | 261.007 | 261.007 | | 1.000 | Vốn chuẩn bị đầu tư; Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 2 | Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1 | UBND huyện Vạn Ninh | | Vạn Ninh | 2024-2025 | 112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 | | 1.408.000 | 1.408.000 | | | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 3 | Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2) | UBND huyện Vạn Ninh | | Vạn Ninh | 2024-2025 | 133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 | | 325.300 | 325.300 | | | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |

| STT | Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực | Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | Chủ đầu tư | Địa điểm XD | Dự kiến thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024 | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------------------------------------|
| | | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMBT | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NS tỉnh | | |
| 4 | Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh | Sở GTVT | BQL DAĐT XD các CT GT, UBND huyện Diên Khánh; UBND thành phố Nha Trang | Diên Khánh, Nha Trang | 2023-2027 | 06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 | 1.496.000 | 1.096.000 | 400.000 | 5.000 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 5 | Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa | BQL KKT Văn phòng | BQL KKT Văn phòng, UBND huyện Vạn Ninh; UBND thị xã Ninh Hòa | huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa | 2024-2027 | 94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 | 2.031.016 | 1.431.016 | 600.000 | 10.374 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 6 | Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2) | Sở GTVT | BQL DAĐT XD các CT GT, UBND huyện Vạn Ninh; UBND thị xã Ninh Hòa | Ninh Hòa, Vạn Ninh | 2023-2027 | 29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 | 875.749 | 875.749 | | 958 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 7 | Chính trị hạ lưu sông Tác (giai đoạn II) | Sở NN&PTNT | BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT | xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, Nha Trang | 2024-2027 | 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 | 600.000 | 600.000 | | 2.814 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| III | Các dự án đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1 đến cảng Hòn Khôi (ĐT.651D) | BQL KKT Văn phòng | | Thị xã Ninh Hòa | 2024-2027 | | 702.520 | 702.520 | | 128 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 2 | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng | Sở Y tế | | Nha Trang | 2024-2027 | | 400.000 | 400.000 | | | |
| IV | Các dự án đang thực hiện thủ tục lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | | | | | | | | | | |
| 1 | Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa | BQL KKT Văn phòng | | Thị xã Ninh Hòa | 2024-2025 | | 887.000 | 887.000 | | 152 | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú (giai đoạn 1) | VP UBND tỉnh | | Nha Trang | 2024-2025 | | 75.000 | 75.000 | | | Dự án hoàn thành giai đoạn 2023-2025 |
| 3 | Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội đặc thù của tỉnh | Sở Xây dựng | | Nha Trang | 2024-2026 | | 1.900.000 | 1.900.000 | | 1.000 | Đến hết năm 2025 cơ bản hoàn thành dự án |
| 4 | Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT652B (Quốc lộ 1 đến vòng xoay Ninh Diêm) | BQL KKT Văn phòng | | Thị xã Ninh Hòa | 2024-2027 | | 561.460 | 561.460 | | 111 | Vốn chuẩn bị đầu tư |

| STT | Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực | Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | Chủ đầu tư | Địa điểm XD | Dự kiến thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024 | Ghi chú | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------|---------|---------------------|
| | | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMBT | | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NS tỉnh | | | Vốn NSTW, ODA |
| 5 | Đường giao thông ngoài cảng Giai đoạn 2 | BQL KKT Văn phong | | Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh | 2024-2027 | | | 500.000 | 500.000 | | 91 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 6 | Sửa chữa, nâng cấp hồ Đá Bàn | Sở NN&PTNT | | Ninh Hòa | 2024-2027 | | | 400.000 | 400.000 | | 2.678 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 7 | Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ | Sở Y tế | | Nha Trang | 2024-2028 | | | 4.450.000 | 4.450.000 | | 2.000 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 8 | Đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 2) | BQLKKT Văn Phong | | xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh | 2024-2026 | | | 997.000 | 997.000 | | 216 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 9 | Nâng cấp hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (50,28ha) và mở rộng thêm 15ha Khu tái định cư Xóm Quán | BQLKKT Văn Phong | | xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa | 2024-2026 | | | 486.629 | 486.629 | | 50 | Vốn chuẩn bị đầu tư |
| 10 | Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Ninh Vân | UBND TX Ninh Hòa | | Ninh Hòa | 2024-2026 | | | 242.000 | 242.000 | | | |
| 11 | Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung | Sở GTVT | | Diên Khánh, Nha Trang | 2024-2027 | | | 1.491.000 | 1.491.000 | | | |
| 12 | Xây dựng Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa | Sở VHHT | | Nha Trang | 2024-2027 | | | 1.200.000 | 1.200.000 | | | |
| 13 | Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa | Sở TTTT | | | 2024-2027 | | | 450.000 | 450.000 | | | |
| V | Các dự án chưa lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kè sông Cái Nha Trang (các đoạn còn lại) | UBND TP Nha Trang | | Nha Trang | 2024-2027 | | | 500.000 | 300.000 | | | |
| 2 | Nạo vét khơi thông các tuyến kênh mương, sông tại thành phố Nha Trang | UBND TP Nha Trang | | Nha Trang | 2024-2027 | | | 300.000 | 100.000 | | | |
| 3 | Xây dựng hầm qua núi Cù Hin kết nối từ Sông Lô, xã Phước Đồng - Nha Trang đến xã Cam Hải Đông - Cam Lâm | Sở GTVT | | Thành phố Nha Trang và huyện Cam Lâm | 2024-2027 | | | 3.000.000 | 3.000.000 | | | |
| 4 | Tu bổ di tích Khu căn cứ Cách mạng Đồng Bò | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | | Nha Trang | 2024-2027 | | | 100.000 | 100.000 | | | |
| 5 | Xây dựng Sở chỉ huy thường xuyên Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | | Nha Trang | 2024-2028 | | | 300.000 | 200.000 | 100.000 | | |

| STT | Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực | Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | Chủ đầu tư | Địa điểm XD | Dự kiến thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------|---------|
| | | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NS tỉnh | | |
| 6 | Xây dựng Trụ sở Công an tỉnh | Công an tỉnh | | Nha Trang | 2024-2028 | | 400.000 | 400.000 | | | |
| 7 | Chính trang hạ tầng đô thị khu vực phía Đông đường Trần Phú - Phạm Văn Đồng (giai đoạn 1) | UBND TP Nha Trang | | Nha Trang | 2024-2026 | | 500.000 | 500.000 | | | |

Ghi chú: Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp nghe báo cáo đề xuất giao đơn vị Chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công trọng điểm giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 ngày 19/3/2024.

PHỤ LỤC 7

TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

| TT | Đề án | Kết quả thực hiện |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I | Thực hiện tốt công tác quy hoạch; xây dựng đề án, cơ chế chính sách đặc thù phù hợp nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị | |
| 1 | Xây dựng Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023. |
| 2 | Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 | Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023. |
| 3 | Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040 | UBND tỉnh đã hoàn chỉnh hồ sơ đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040, gửi Bộ Xây dựng thẩm định tại Tờ trình số 10244/TTr-UBND ngày 05/10/2023 và thực hiện báo cáo, giải trình bổ sung tại các Văn bản số 11326/UBND-XDND ngày 31/10/2023, 12066/UBND-XDND ngày 16/11/2023, 12606/UBND-XDND ngày 30/11/2023, 13277/UBND-XDND ngày 15/12/2023. |
| 4 | Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ | Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 đã Phó Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 28/02/2024. |

| TT | Đề án | Kết quả thực hiện |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | Đề án thành lập thành phố Khánh Hòa trực thuộc trung ương | UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 29/01/2024. Hiện nay, Sở Nội vụ đang triển khai lập dự toán kinh phí xây dựng Đề án, dự kiến sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt trong quý II/2024. |
| II | Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hóa, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn | |
| 1 | Thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương do Chính phủ thành lập, giao UBND tỉnh Khánh Hòa quản lý với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng. | Thực hiện Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 về việc phê duyệt bổ sung danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc kế hoạch KH&CN năm 2023; Sở KH&CN đã tổ chức triển khai, ký hợp đồng KH&CN với đơn vị chủ trì (Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện các nội dung theo đặt hàng thực hiện Đề án khoa học cấp tỉnh “Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương”. Đến nay, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - đơn vị chủ trì thực hiện đã tổ chức họp Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở vào ngày 27/02/2024, đang tiến hành rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện các sản phẩm đề án theo kết luận của Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; hoàn thiện dự thảo Đề án theo mẫu để trình Thủ tướng phê duyệt. Hồ sơ, sản phẩm đề án sẽ gửi về Sở KH&CN trong tháng 3/2024 để tổ chức Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh. |

| TT | Đề án | Kết quả thực hiện |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| III | Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học - công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. | |
| 1 | Đầu tư nâng cấp Trường đại học Nha Trang thành Đại học vùng | UBND tỉnh đã có văn bản số 7308/UBND-KGVX ngày 21/7/2023 đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, chủ trì phối hợp vùng Tỉnh Khánh Hoà thực hiện hoá chủ trương nâng cấp Trường Đại học Nha Trang thành Đại học Vùng. Ngày 24/10/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 5877/BGDĐT-TCCB gửi Trường Đại học Nha Trang về việc thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trường Đại học Nha Trang triển khai xây dựng dự thảo Đề án chuyển Trường Đại học Nha Trang thành Đại học Nha Trang, trong đó làm rõ sự cần thiết, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Trường; kế hoạch, lộ trình tái cấu trúc tổ chức bộ máy, tăng cường nguồn nhân lực, tài chính, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh và các điều kiện khác để chuyển Trường Đại học Nha Trang thành Đại học Nha Trang. Trường Đại học Nha Trang đang triển khai xây dựng dự thảo Đề án theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 5877/BGDĐT-TCCB nêu trên. |

| TT | Đề án | Kết quả thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ | <p>Ngày 29/11/2023, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Tờ trình số 12565/TTr-UBND trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Đến ngày 22/12/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 10017/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà như sau:</p> <p><i>“1. UBND tỉnh Khánh Hòa thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 151/TB-VPCP ngày 24/4/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa để đảm bảo hoàn thành Dự án Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa theo đúng mục tiêu, quy mô là Bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.</i></p> <p><i>2. Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật và giao nhiệm vụ tuyến cuối của Bệnh viện đa khoa Khánh Hòa trong Quý I năm 2024 để bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu được giao tại Nghị quyết số 09 của Bộ Chính trị.”</i></p> <p>Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên của Phó Thủ tướng Chính phủ, hiện nay Sở Y tế đang hoàn chỉnh Hồ sơ BCNCTKT dự án Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ theo ý kiến của Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến Bộ Y tế.</p> |
| IV | Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. | |
| 1 | Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa | UBND tỉnh đã có Tờ trình số 1184/TTr-UBND ngày 30/01/2024 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa. |

PHỤ LỤC 8

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI

I. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Đối với nội dung ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao

Trong năm 2022 số thu ngân sách trung ương được hưởng trên địa bàn theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 là 1.458.537 triệu đồng, tăng 183.249 triệu đồng so với dự toán nhưng giảm 1.950.624 triệu đồng so với thực hiện thu năm trước, do đó không thỏa các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15¹; vì vậy, ngân sách tỉnh Khánh Hòa không được hỗ trợ 70% số tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022.

Sang năm 2023, số thu ngân sách trung ương được hưởng trên địa bàn theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 là 2.075 tỷ đồng, tăng 190 tỷ đồng so với dự toán đồng thời tăng so với thực hiện thu năm trước, do đó UBND tỉnh Khánh Hòa đã có công văn số 1108/UBND-KT ngày 29/01/2024 gửi Bộ Tài chính đề nghị hỗ trợ 70% tăng thu NSTW số tiền 133 tỷ đồng.

2. Đối với nội dung phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

UBND tỉnh Khánh Hòa đã trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí này để bổ sung tăng định mức phân bổ chi cơ quan, quản lý nhà nước, đảng và các tổ chức chính trị - xã hội bình quân từ 31 triệu đồng/biên chế/năm tăng lên 45 triệu đồng/biên chế/năm (tăng so với năm 2022 là 14 triệu đồng/biên chế/năm, tương ứng tăng 50%), tăng chế độ lễ, tết so với Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND và bố trí nguồn để thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất khi nhà

¹ Ngân sách địa phương được ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu phải thỏa mãn 03 điều kiện sau:

- Có tăng thu NSTW so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao;
- Có tăng thu NSTW so với thực hiện năm trước (Số bổ sung có mục tiêu không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương so với thực hiện thu năm trước, trường hợp số thu NSTW trên địa bàn giảm so với thực hiện thu năm trước sẽ không được bổ sung có mục tiêu);
- Ngân sách Trung ương không hụt thu.

nước thu hồi đất tại Khu Kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm; công tác quy hoạch; công tác chuyển đổi số.

3. Đối với nội dung cho phép các huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh được sử dụng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

HĐND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 về việc cho phép các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sử dụng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ huyện Khánh Vĩnh, huyện Khánh Sơn.

Trong năm 2023, trên cơ sở nguồn tăng thu các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là 158 tỷ đồng, địa phương đã xây dựng phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ cho huyện Khánh Vĩnh và huyện Khánh Sơn từ nguồn vốn Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh trong đó tập trung nguồn lực để hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và bố trí cho các công trình, dự án có tính liên kết, kết nối các địa bàn xã, cải thiện đời sống người dân thực hiện mục tiêu giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể phương án phân bổ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Tên Dự án | Phương án phân bổ kinh phí |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| | Tổng cộng | 158.008 |
| I | Huyện Khánh Sơn | 20.000 |
| 1 | Dự án nâng cấp, mở rộng đường Trần Bình Trọng | 20.000 |
| II | Huyện Khánh Vĩnh | 72.300 |
| 1 | Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã, thị trấn Khánh Vĩnh – Khánh Thành – Liên Sang (đoạn từ thị trấn Khánh Vĩnh đến UBND xã Khánh Thành) | 40.000 |
| 2 | Cầu ngầm 6 thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành | 9.800 |

| STT | Tên Dự án | Phương án phân bổ kinh phí |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3 | Cầu Suối 1, xã Khánh Đông | 12.000 |
| 4 | Cầu sông Cái thôn Suối Cát xã Khánh Thượng | 10.500 |
| III | Sửa chữa, xây mới nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn 02 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh | 65.708 |
| 1 | Huyện Khánh Vĩnh | 23.306 |
| 2 | Huyện Khánh Sơn | 42.402 |

4. Đối với nội dung tỉnh được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp

Trong năm 2023, trên cơ sở khung lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương do Bộ Tài chính quy định, UBND tỉnh Khánh Hòa thực hiện các thủ tục phát hành trái phiếu chính quyền địa phương với khối lượng 500 tỷ đồng vào các ngày 04/12/2023 và ngày 08/12/2023, kết quả cụ thể như sau:

- Đối với phiên đấu thầu ngày 04/12/2023: phiên đấu thầu không có nhà đầu tư tham gia dự thầu, do đó không có nhà đầu tư trúng thầu.

- Đối với phiên đấu thầu ngày 08/12/2023: có 02 nhà đầu tư tham gia dự thầu là Ngân hàng TMCP Quân đội (khối lượng 100 tỷ đồng) và Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (khối lượng 100 tỷ đồng); tuy nhiên các nhà đầu tư đều dự thầu với mức lãi suất cao gấp từ 1,5 đến 1,9 lần mức lãi suất tối đa của Bộ Tài chính quy định, do đó không có nhà đầu tư trúng thầu.

Đối với năm 2024, HĐND tỉnh Khánh Hòa đã thông qua Đề án sơ bộ trái phiếu chính quyền địa phương tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; theo đó, trong năm 2024 dự kiến sẽ phát hành khối lượng trái phiếu 855,6 tỷ đồng để thực hiện các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Căn cứ vào tình hình thực tế, UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ báo cáo Bộ Tài chính phương án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2024.

II. Quản lý quy hoạch

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 20/2022/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 Quy định về thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Các nội dung về phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện và các nội dung triển khai liên quan đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 20/2022/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 nêu trên của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp triển khai thực hiện theo thí điểm phân cấp này, Sở Xây dựng sẽ rà soát, tham mưu UBND tỉnh các nội dung cụ thể liên quan tương ứng với nội dung quy hoạch cần thực hiện điều chỉnh cục bộ.

III. Quản lý đất đai

1. Đối với nội dung về quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 24/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/2023/QĐ-TTg Quy định thí điểm về trình tự thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy mô dưới 500 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 13/3/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 890/STNMT-CCQLĐĐ gửi các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức triển khai Quy định thí điểm về trình tự thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy mô dưới 500 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 theo đúng quy định.

Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chưa có dự án đầu tư chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo Quyết định số 06/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với nội dung về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 18/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2022/QĐ-TTg về việc quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3. Tuy nhiên đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh hồ sơ đề nghị thực hiện

thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 55/2022/QH15.

3. Đối với nội dung về việc HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành trình tự, thủ tục thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Ngày 23/9/2022, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND quy định việc sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 15/11/2022, HĐND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND về trình tự, thủ tục thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 22/12/2022, UBND tỉnh có văn bản số 12783/UBND-XDND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh; trong đó, UBND tỉnh đã giao UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Cam Lâm căn cứ danh mục các dự án được tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được HĐND tỉnh chấp thuận ban hành Thông báo thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất và triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh. Đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm, chưa có dự án đầu tư được tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh.

IV. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành danh mục dự án đầu tư công thực hiện thí điểm tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đã có 02 dự án thuộc danh mục dự án được HĐND tỉnh cho phép tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 đã hoàn thành thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư và hiện nay đang thực hiện thủ tục phê duyệt quyết định đầu tư các dự án thành phần, gồm: Dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh (TMĐT là 1.496,4 tỷ đồng) và Dự án

Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2) (TMĐT là 875,7 tỷ đồng).

V. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong

1. Đối với nội dung quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

BQL KKT Vân Phong đã hoàn thiện Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa và có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Ban đã nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan (13/13 đơn vị), tuy nhiên chưa nhận được ý kiến phản hồi của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản tham gia ý kiến, Ban sẽ hoàn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định theo quy định.

2. Đối với nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân bay, đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng, cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I khi có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023.

Tại Hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư tỉnh Khánh Hòa ngày 02/4/2023, UBND tỉnh đã ký kết 11 Bản ghi nhớ với các nhà đầu tư lớn về việc nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp, trong đó bao gồm 02 dự án về cảng biển và 01 dự án về cảng hàng không. Sau khi ký kết Bản ghi nhớ, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã làm việc và hỗ trợ các nhà đầu tư, đưa đi khảo sát các vị trí đề xuất dự án thực tế. Sau buổi làm việc và khảo sát thực tế, các nhà đầu tư cho biết sẽ nghiên cứu, đánh giá và báo cáo đề xuất các dự án chi tiết và gửi lại Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh việc triển khai thực hiện.

Hiện nay, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong đang tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng của Khu kinh tế Vân Phong². Đồng

² Đến nay, đã có 02/19 quy hoạch phân khu thuộc Khu kinh tế Vân Phong được HĐND tỉnh thông qua (phân khu 03, 08); 02/19 phân khu (Phân khu 01, 02) dự kiến phê duyệt quy hoạch trong Quý I/2024; 08/19 phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự kiến trong tháng 3/2024

thời, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, quy hoạch chuyên ngành (về cảng biển, sân bay...) đang được cập nhật và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, khi các nhà đầu tư đề xuất dự án cụ thể và các quy hoạch trên được phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong sẽ tham mưu UBND tỉnh triển khai thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân bay, đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng, cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I theo quy định của pháp luật về đầu tư và Nghị quyết 55/2022/QH15 của Quốc hội.

3. Đối với nội dung Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong KKT Vân Phong và các KCN thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

Thực hiện Quyết định số 3101/QĐ-UBND của UBND tỉnh trên, tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong, Ban quản lý đã tiếp nhận 14 hồ sơ lĩnh vực Môi trường, trong đó tiếp nhận 04 hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (02 hồ sơ hoàn thành, 02 hồ sơ đang xử lý); tiếp nhận 10 hồ sơ cấp giấy phép môi trường (04 hồ sơ hoàn thành, 06 hồ sơ đang xử lý). Việc thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đang được Ban quản lý triển khai thực hiện theo đúng quy định.

4. Đối với nội dung được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu kinh tế Vân Phong khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

Hiện nay chưa phát sinh trường hợp nào doanh nghiệp được hưởng cơ chế, chính sách về chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định về hải quan và thủ tục thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu,

hoàn thành lựa chọn đơn vị Tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng; dự kiến trong năm 2024 sẽ hoàn thành 19/19 quy hoạch phân khu.

nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu kinh tế Vân Phong khi đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên.

VI. Phát triển kinh tế biển tại tỉnh Khánh Hòa

1. Đối với nội dung giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển khi có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện

Từ ngày 01/8/2022 đến nay chưa có nhà đầu tư trong nước nộp hồ sơ giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

2. Đối với nội dung về cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển khi có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện

Trong thời gian vừa qua chưa có nhà đầu tư đăng ký tham gia nuôi trồng thủy sản trên biển trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

3. Đối với nội dung xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển; hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển

Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện xây dựng Nghị quyết hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển; hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển tại tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 20/9/2022, Văn phòng Tỉnh ủy có công văn số 3202-CV/VPTU về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc cụ thể hóa nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội, trong đó có nội dung: *“Tạm hoãn việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển; hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng thủy sản nuôi trên biển và sẽ trình vào thời điểm phù hợp”*. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh có văn bản số 9640/UBND-KT ngày 07/10/2022 chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tạm hoãn việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết nêu trên. Sau khi có ý kiến chỉ đạo tiếp theo của cấp có thẩm quyền, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đối với Nghị quyết trên theo đúng quy định.

4. Về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 11/2023/NĐ-CP ngày 13/04/2023 về thành lập và Quy chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hoà.

Sau khi Nghị định được ban hành, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định liên quan đến Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa, cụ thể: Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa; Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa; Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về việc bổ nhiệm Giám đốc cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa; Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa; Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hoà.

UBND tỉnh tổ chức Lễ ra mắt và phát động ủng hộ Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hoà vào ngày 12/8/2023 tại Trung tâm Hội nghị và Nhà khách tỉnh Khánh Hòa. Quỹ đã được ủng hộ số tiền là 15,324 tỷ đồng và 10 thiết bị lọc nước với số tiền 2,376 tỷ đồng. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang triển khai phối hợp với UBND huyện Trường Sa và Quân chủng Hải quân xây dựng, đề xuất các hoạt động, dự án, công trình... đầu tư tại huyện Trường Sa sử dụng kinh phí từ Quỹ trong thời gian tới.

